|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  Số: /2025/TT-BNNMT |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Quy định về mẫu biểu thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản, mẫu tài liệu, báo cáo** **và danh mục, quy cách mẫu vật địa chất, khoáng sản,   
mẫu vật bảo tàng**

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số ….của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Vụ trưởng Vụ …..;*

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy* *mẫu biểu thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản, mẫu tài liệu, báo cáo và danh mục, quy cách mẫu vật địa chất, khoáng sản và mẫu vật bảo tàng.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết Khoản 4, Điều 89 và Khoản 5, Điều 90 của Luật Địa chất và khoáng sản về các mẫu biểu thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản, mẫu tài liệu, báo cáo và danh mục, quy cách mẫu vật địa chất, khoáng sản, mẫu vật bảo tàng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức thực hiện xây dựng, cập nhật và quản lý cơ sở dữ liệu địa chất khoáng sản; tổ chức thực hiện điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản; tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác khoáng sản; cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản; Bảo tàng địa chất và khoáng sản.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ.**

Các thuật ngữ sử dụng trong thông tư này được hiểu như sau:

*Mẫu biểu thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản* là các mẫu, bảng thu thập, tổng hợp được quy định bao gồm nội dung thông tin, dữ liệu trong từng lĩnh vực điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, tài nguyên địa chất, khoáng sản, hoạt động khoáng sản.

*Mẫu tài liệu, báo cáo* là mẫu thể thức, hình thức, quy cách của tài liệu, báo cáo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 90 Luật Địa chất và khoáng sản.

*Mẫu vật địa chất, khoáng sản* là những mẫu đá, mẫu sinh vật hóa đá, mẫu khoáng sản ở trạng thái tự nhiên hoặc được gia công, chế tác cơ học.

*Mẫu vật bảo tàng* là mẫu vật địa chất, khoáng sản có một trong các đặc điểm: mẫu đại diện cho địa tầng mới phát hiện; mẫu cổ sinh mới hoặc mẫu cổ sinh phát hiện tại khu vực mới; mẫu khoáng sản đặc trưng, bao gồm: mẫu khoáng sản mới phát hiện lần đầu trong một cấu trúc địa chất cụ thể; mẫu khoáng sản có tính đặc biệt, phản ánh kiểu quặng hoặc điều kiện thành tạo đặc trưng của khu vực dự án, đề án.

*Bảo tàng địa chất, khoáng sản ngoài trời* là một địa điểm hoặc một nhóm địa điểm có di sản địa chất được bảo vệ, quy hoạch, quản lý phục vụ tham quan, nghiên cứu và phổ biến về kiến thức địa chất.

**Điều 4. Mẫu biểu thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản**

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện công tác điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, tài nguyên địa chất, khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải thành lập đầy đủ thông tin, dữ liệu về địa chất theo các mẫu biểu quy định tại quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật cho từng lĩnh vực gồm:

a) Điều tra, lập bản đồ địa chất quốc gia các tỷ lệ đến 1:50.000;

b) Điều tra, lập bản đồ địa chất chuyên đề tỷ lệ lớn hơn 1:50.000;

c) Điều tra, khoanh định, lập bản đồ các khu vực di chỉ địa chất, di sản địa chất, tài nguyên vị thế;

d) Điều tra địa chất môi trường, tai biến địa chất;

e) Điều tra địa chất công trình, địa chất thủy văn;

f) Điều tra địa chất đô thị;

g) Điều tra điều kiện địa chất khác:

h) Điều tra địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản.

2. Cơ quan quản lý khu vực khoáng sản và tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động khoáng sản phải thành lập đầy đủ thông tin, dữ liệu về quản lý khoáng sản quy định tại quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật cho từng lĩnh vực gồm:

a) Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản;

b) Báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản và đóng cửa mỏ khoáng sản;

c) Kết quả thanh tra, kiểm tra;

d) Khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

e) Khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản, khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

f) Kết quả thăm dò khoáng sản;

g) Kết quả thống kê, kiểm kê tài nguyên, trữ lượng khoáng sản.

**Điều 5. Mẫu tài liệu, báo cáo**

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện công tác điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, tài nguyên địa chất, khoáng sản, hoạt động khoáng sản phải thành lập đầy đủ tài liệu, báo cáo quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này.

a) Báo cáo bao gồm: thuyết minh, phụ lục, bản đồ, hình ảnh thể hiện kết quả thực hiện thi công đề án, dự án.

b) Tài liệu nguyên thủy gồm: Nhật ký địa chất, bản đồ lộ trình, thiết đồ, bản vẽ các công trình đã thi công, vị trí lấy mẫu và kết quả phân tích các loại mẫu.

2. Nội dung, thể thức, hình thức, quy cách báo cáo đối với từng lĩnh vực điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, tài nguyên địa chất, khoáng sản, hoạt động khoáng sản tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật chuyên ngành.

**Điều 6. Danh mục mẫu vật địa chất, khoáng sản giao nộp bảo tàng địa chất và khoáng sản**

1. Mẫu vật địa chất, khoáng sản được hình thành trong quá trình thực hiện các đề án, đề tài, dự án và được Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Mẫu vật địa chất, khoáng sản được bảo quản theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 13586:2022.

3. Danh mục và cấu trúc dữ liệu mẫu vật địa chất, khoáng sản được cập nhật thường xuyên.

**Điều 7. Danh mục và thông tin mẫu vật bảo tàng địa chất, khoáng sản**

1. Danh mục và cấu trúc dữ liệu mẫu vật bảo tàng địa chất, khoáng sản trong nhà, ngoài trời được quy định và cập nhật bởi Bảo tàng địa chất và khoáng sản.

2. Thông tin mẫu vật bảo tàng địa chất, khoáng sản phải được quản lý trong cơ sở dữ liệu, bao gồm mô tả chi tiết, hình ảnh và mô hình 3D.

**Điều 8. Quy cách mẫu vật địa chất, khoáng sản, mẫu vật bảo tàng**

1. Quy cách từng mẫu vật địa chất, khoáng sản trong từng lĩnh vực điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật chuyên ngành.

2. Số lượng, chủng loại mẫu vật nộp vào Bảo tàng Địa chất khoáng sản được cơ quan quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản phê duyệt trong báo cáo điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản.

3. Quy cách mẫu vật địa chất, khoáng sản và mẫu vật bảo tàng, cùng với quy cách thể hiện các dạng tài liệu lưu giữ mẫu và mẫu vật giao nộp cho Bảo tàng Địa chất, được thực hiện theo quy định tại Phụ lục 01 của Thông tư này.

**Điều 9. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn thực hiện Thông tư này.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng Chính phủ; - Các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Văn phòng Trung ương Đảng; - Văn phòng Quốc hội; - Văn phòng Chính phủ; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ; - UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Bộ NNMT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị trực thuộc Bộ, cổng thông tin điện tử Bộ; - Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, TP trực thuộc TW; - Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp); - Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Công báo; - Lưu: VT, ĐC&KS, KHCN, PC. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG** |

**PHỤ LỤC 01. QUY CÁCH MẪU VẬT ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN,   
MẪU VẬT BẢO TÀNG**

*(Kèm theo Thông tư số ngày tháng năm 2025 của .....)*

**1. QUY CÁCH MẪU VẬT ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN**

**1.1 Mẫu cục**

a) Mẫu cục được sử dụng để quan sát, mô tả đặc điểm thạch học hoặc quặng hóa. Mẫu có hình dạng hình hộp chữ nhật hoặc hình lập phương, được sắp xếp theo trình tự địa tầng hoặc theo chiều sâu. Mẫu cục phải được bảo quản và sử dụng xuyên suốt trong quá trình thi công, lập báo cáo và hoàn thiện báo cáo tổng kết đề án. Kích thước mẫu phải đảm bảo đủ lớn để quan sát và mô tả đầy đủ các đặc điểm thạch học, quặng hóa theo yêu cầu.

b) Mẫu cục phục vụ phân tích thạch học, khoáng tướng, đồng vị phải có kích thước đảm bảo, với chiều dài, chiều rộng và chiều dày dao động trong khoảng từ (5×3×2) cm đến (9×6×3) cm.

Đối với mẫu thạch học có cấu tạo định hướng, trước khi lấy mẫu cần xác định rõ phương vị và hướng dốc. Mẫu thu thập phải đảm bảo tươi, rắn chắc, đáp ứng yêu cầu phân tích

c) Mẫu cục phục vụ phân tích cơ lý và xác định thể trọng nhỏ được lấy với kích thước chiều dài, chiều rộng, chiều dày trong khoảng từ (10×10×10) cm đến (30×30×30) cm. Mẫu sau khi thu thập phải được bọc kín bằng sáp hoặc nến để bảo đảm giữ nguyên trạng thái tự nhiên và độ ẩm ban đầu

d) Mẫu cục phục vụ phân tích các tham số vật lý (tham số địa vật lý) phải được lấy và bảo quản trong trạng thái nguyên khối, giữ nguyên trạng thái tự nhiên ban đầu. Sau khi lấy, mẫu phải được bọc bằng vải, sáp, nến hoặc sử dụng các dụng cụ bảo quản phù hợp, nhằm hạn chế tối đa sự thay đổi về trạng thái vật lý và các đặc tính tự nhiên của mẫu

đ) Mẫu đo mật độ: kích thước mẫu dài, rộng, dày tối đa (10×10×10)cm.

e) Mẫu tham số từ: kích thước dài, rộng, dày tối đa (20×10×5)cm; để xác định vectơ từ dư Jn, cổ từ lấy mẫu khối lập phương hoặc khối hộp chữ nhật chiều dài cạnh: 5,0cm đến 20cm, xác định phương vị hướng bắc của mẫu và phương vị của 2 cạnh khối vuông.

g) Mẫu tham số điện: mẫu có ít nhất một mặt tương đối phẳng, kích thước tối thiểu (10×10×10)cm.

h) Mẫu tham số phóng xạ: kích thước tối thiểu (7×7×7)cm.

i) Mẫu hóa phóng xạ (xác định hệ số eman hóa, cân bằng phóng xạ) được lấy dạng nguyên khối, kích thước (10×10×10)cm.

k) Mẫu cục phục vụ nghiên cứu cổ sinh phải được lấy với kích thước đủ lớn để có thể xác định tối đa các đặc điểm hình thái, cấu tạo của hóa thạch. Khi kết thúc đề án, các loại mẫu cục phải được rút gọn theo đúng quy định hiện hành về quản lý và rút gọn mẫu địa chất. Đối với mẫu cổ sinh, chỉ lưu giữ các mẫu cổ sinh đặc trưng, có giá trị khoa học tiêu biểu.

**1.2 Mẫu rãnh**

a) Mẫu rãnh thông thường được bố trí vuông góc với thân khoáng sản nhằm đảm bảo tính đại diện cao nhất cho thành phần và chiều dày thực tế của thân khoáng. Tuy nhiên, tùy thuộc vào điều kiện thực tế như vị trí địa hình, tư thế thế nằm (góc cắm, hướng cắm) và mức độ đồng nhất của khoáng sản, mẫu rãnh có thể được lấy theo phương thẳng đứng, nằm ngang. Sau đó, kết quả đo đạc sẽ được quy đổi về chiều dày thật để phục vụ tính toán tài nguyên và trữ lượng.

b) Kích thước mẫu rãnh được quy định như sau: chiều rộng: Từ 5,0 cm đến 10 cm, chiều sâu: Từ 3,0 cm đến 5,0 cm. Chiều dài mẫu phụ thuộc vào loại khoáng sản và mức độ đồng nhất của thân khoáng để xác định cụ thể. Tuy nhiên, chiều dài mẫu rãnh tối đa không vượt quá 5 m.

**1.3 Mẫu điểm, mẫu rãnh điểm, mẫu lưới điểm**

a) Mẫu điểm được sử dụng trong lấy mẫu địa hóa đá gốc, trong tìm kiếm phát hiện khoáng hóa theo tảng lăn hoặc để kiểm tra khả năng có khoáng hóa trong vết lộ có kích thước lớn nhưng biểu hiện khoáng hóa không rõ. Các cục mẫu điểm phải đồng đều.

b) Mẫu rãnh điểm được sử dụng trong công tác điều tra, đánh giá các loại khoáng sản có khả năng nhận biết dễ dàng bằng mắt thường, với đặc điểm hàm lượng các thành phần biến đổi có quy luật theo một phương nhất định (phân lớp, phân dải, phân đới hoặc sọc dải) như vật liệu xây dựng, đá vôi xi măng, phosphorit và một số khoáng sản khác.

Mẫu rãnh điểm là tập hợp các cục mẫu thu thập được dọc theo một hoặc một số đường cắt vuông góc hoặc gần vuông góc với phương của thân khoáng.

c) Mẫu lưới điểm được sử dụng đối với khoáng sản có đặc điểm phân bố dạng ổ, da báo, không theo quy luật, hoặc có quy luật không rõ ràng. Mẫu được lấy ở dạng các cục nhỏ phân bố theo lưới hình chữ nhật hoặc lưới hình vuông, hình tam giác, hình thoi. Cục mẫu có kích thước khoảng 1,0cm đến 3,0cm, được lấy ở vị trí mắt lưới. Chiều dài giữa các mắt lưới tùy thuộc vào mức độ đồng đều và kích thước các ổ quặng, vết lộ quặng.

**1.4 Mẫu bóc tầng**

a) Mẫu bóc tầng được sử dụng trong điều tra các loại khoáng sản có sự phân bố thành phần không đồng đều theo hai hướng: chiều dày và hướng cắm hoặc chiều dày và đường phương.

b) Mẫu bóc tầng được lấy có hình dạng một cạnh là chiều dày thân khoáng, một cạnh theo hướng biến đổi của thân khoáng trong công trình khai đào.

c) Diện tích khu vực lấy mẫu phải bằng phẳng, độ sâu lấy mẫu phải đồng nhất để bảo đảm tính đại diện của mẫu.

**1.5 Mẫu khối**

a) Mẫu khối được lấy trực tiếp tại các công trình, sau khi đã dọn sạch bề mặt vết lộ, hố, hào, giếng. Mẫu khối được sử dụng để xác định các chỉ tiêu như: thể trọng, độ thu hồi và các chỉ tiêu cơ lý khác theo yêu cầu nghiên cứu.

b) Mẫu khối sau khi được lấy phục vụ các mục tiêu nghiên cứu phải hoàn trả lại hiện trường, đảm bảo vị trí lấy mẫu được thu dọn, phục hồi phù hợp. Phần mẫu lưu chỉ bao gồm khối lượng cần thiết để gửi phân tích, xác định chất lượng theo yêu cầu.

**1.6 Mẫu lõi khoan.**

a) Mẫu lõi khoan được sắp xếp trên khay mẫu có kích thước 0,5 x 1 m, chia thành 5 rãnh chứa mẫu. Mẫu được sắp xếp theo trình tự tăng dần của chiều sâu. Trên mỗi khay, phải gắn etiket ghi rõ thông tin hiệp khoan, kèm mũi tên chỉ hướng theo chiều sâu. Đầu mỗi khay phải ghi rõ tên lỗ khoan và khoảng chiều sâu (từ - đến).

Người theo dõi có trách nhiệm mô tả, đánh dấu các lớp đất đá trên khay mẫu theo quy định kỹ thuật. Ảnh chụp khay mẫu phải thể hiện đầy đủ, rõ ràng thông tin về ngày chụp và khoảng chiều sâu của mẫu trong từng khay

b) Khi kết thúc đề án và báo cáo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, việc lưu giữ mẫu cần được rút gọn, chỉ giữ lại phần quặng lưu và một số mẫu đại diện. Đối với các báo cáo sử dụng vốn ngoài ngân sách, việc lưu giữ hay rút gọn mẫu lõi khoan sẽ do chủ đầu tư quyết định và tự chịu trách nhiệm lưu giữ.

**1.7 Yêu cầu chung**

Khối lượng, chủng loại và kích thước của từng loại mẫu phải được thiết kế trong đề án địa chất, dựa trên mục tiêu, nhiệm vụ của đề án cũng như đặc điểm địa chất và khoáng sản của khu vực nghiên cứu. Các loại mẫu như mẫu khối, mẫu công nghệ cần được làm rõ về khối lượng và vị trí dự kiến lấy mẫu, đảm bảo phù hợp với phạm vi và yêu cầu thực hiện của đề án.

Quy định về lưu trữ mẫu vật địa chất: Đối với các mẫu gửi đi phân tích, sau khi có kết quả, cần lưu lại mẫu lưu phân tích tại phòng phân tích hoặc tại cơ quan chủ đầu tư. Thời gian lưu mẫu kéo dài đến khi kết thúc đề án và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo chính thức.

**2. QUY CÁCH MẪU VẬT NỘP VÀO BẢO TÀNG ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN**

2.1 Đối với mẫu vật ở dạng cục

Mẫu vật địa chất, khoáng sản ở dạng cục phải rắn chắc phải có kích thước mẫu cục tối thiểu phải đạt 5x10x20 cm.

Mẫu vật địa chất, khoáng sản ở dạng bở rời được bảo quản trong túi dẻo, bền chắc, màu trắng trong, khối lượng lượng tối thiểu là 2kg.

Các mẫu đơn khoáng, mẫu qua tuyển chọn phải có khối lượng tối thiểu là 0,5 kg.

2.2 Mẫu sinh vật hóa đá không quy định kích thước tối thiểu nhưng phải nguyên vẹn hoặc còn bảo tồn được các đặc điểm đặc trưng, phân biệt của hóa đá đó. Số lượng không hạn chế.

2.3. Mẫu đá ở dạng khoáng vật, tinh thể đơn không quy định kích thước tối thiểu nhưng phải đảm bảo tính nguyên vẹn của mẫu vật. Số lượng tối thiểu là năm (05) mẫu đối với các mẫu đơn có kích thước từ một (01) cm đến dưới năm (05) cm; ba (03) mẫu đối với các mẫu đơn có kích thước năm (05) - mười (10) cm; một (01) mẫu đối với các mẫu đơn có kích thước trên mười (10) cm.

2.4. Mẫu đá bán quý không quy định kích thước tối thiểu nhưng phải đảm bảo tính nguyên vẹn của mẫu vật. Số lượng tối thiểu là ba (03) mẫu đối với các mẫu có kích thước từ một (01) cm đến dưới năm (05) cm; hai (02) mẫu đối với các mẫu có kích thước từ năm (05) cm đến bảy (07) cm; một (01) mẫu đối với các mẫu có kích thước trên bảy (07) cm. Các mẫu có kích thước dưới một (01) cm, khối lượng tối thiểu là năm mươi (50) g.

2.5. Các mẫu đá quý không quy định kích thước tối thiểu nhưng phải đảm bảo phân biệt được về hình dạng của mẫu vật. Số lượng tối thiểu là ba (03) mẫu đối với các mẫu có kích thước dưới một (01) cm; hai (02) mẫu đối với các mẫu có kích thước trên một (01) cm.

2.6. Mẫu đá ốp lát phải là các mẫu đã được gia công, kích thước tối thiểu là 0,2x30x30 cm. Số lượng mỗi loại tối thiểu là một (01) mẫu.

2.7. Mẫu lõi khoan, chiều dài mỗi mẫu theo lõi khoan tối thiểu là mười lăm (15) cm.

**3. THÔNG TIN KÈM THEO MẪU VẬT NỘP VÀO BẢO TÀNG ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN**

3.1. Thông tin kèm theo mẫu vật bao gồm: số hiệu mẫu, tên mẫu, vị trí lấy mẫu, người lấy mẫu và thời gian lấy mẫu, đặc điểm mẫu:

a) Số hiệu mẫu: phải được ghi rõ ràng, đầy đủ cả phần chữ và số, đúng với số hiệu của điểm khảo sát, công trình khoan, khai đào nơi lấy mẫu;

b) Tên mẫu: ghi ngắn gọn tên gọi (loại đất, đá, quặng, hóa đá) của mẫu vật được xác định cuối cùng;

c) Vị trí lấy mẫu: ghi rõ đặc điểm địa hình, địa vật nơi lấy mẫu, tọa độ địa lý, địa danh nơi lấy mẫu: thôn, xã, huyện, tỉnh (thành phố);

d) Người lấy mẫu: ghi đầy đủ họ tên người lấy mẫu, đơn vị thi công;

đ) Thời gian lấy mẫu: ghi rõ ngày, tháng, năm lấy mẫu;

e) Đặc điểm mẫu: mô tả đặc điểm nhận dạng; các kết quả phân tích tính chất vật lý, khoáng vật, hóa học (nếu có).

f) Tuổi địa chất của hệ tầng, phức hệ magma (nơi lấy mẫu).

3.2. Trên mẫu vật hoặc trên bao bì đựng mẫu chỉ ghi số hiệu mẫu. Các thông tin kèm theo ghi đầy đủ tại Phiếu ghi mẫu vật. Mỗi phiếu chỉ được ghi thông tin của một (01) mẫu vật.

**4. BIỂU MẪU THÔNG TIN MẪU VẬT ĐỊA CHẤT KHOÁNG SẢN, MẪU VẬT BẢO TÀNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Phiếu mẫu vật địa chất, khoáng sản** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƠN VỊ LẬP PHIẾU**  **---------------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **---------------** |
|  | *Địa danh, ngày     tháng    năm 20* |

**PHIẾU MẪU VẬT ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN**

Số:

1. Thông tin chung về mẫu vật:

1.1. Số hiệu mẫu:

1.2. Tên mẫu:

1.3. Vị trí lấy mẫu:

- Mô tả đặc điểm địa hình, địa vật nơi lấy mẫu;

- Vị trí địa lý, địa danh: thôn, xã, huyện, tỉnh; tọa độ địa lý, danh pháp tờ bản đồ.

1.4. Tuổi địa chất/ tuổi địa chất đá vây quanh:

1.5. Người lấy mẫu:

1.6. Thời gian lấy mẫu:

**2. Đặc điểm mẫu vật:**

2.1. Loại mẫu: đá (trầm tích, magma, biến chất, khoáng vật); hóa thạch, khoáng sản.

2.2. Đặc điểm nhận dạng: hình dạng, màu sắc, đặc điểm, tính chất vật lý.

2.3. Kích thước, số lượng, khối lượng: đối với mẫu cục ghi rõ chiều dài, rộng, cao, số lượng mẫu; đối với mẫu bở rời ghi rõ khối lượng.

2.4. Đặc điểm, thành phần (ghi theo kết quả phân tích):

- Khoáng vật:

- Hóa học:

- Cổ sinh:

- Các thành phần, đặc điểm khác:

3. Các tư liệu khác kèm theo: ảnh chụp mẫu, vị trí lấy mẫu; phiếu kết quả phân tích (dạng ảnh),...

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | | **Thủ trưởng đơn vị *(Ký, đóng dấu)*** | |
| **2. Phiếu mẫu vật Bảo tàng** | | |  | |
| **ĐƠN VỊ LẬP PHIẾU**  **---------------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **---------------** | | | | |
|  | *Địa danh, ngày     tháng    năm 20* | | | | |

**PHIẾU MẪU VẬT BẢO TÀNG**

SỐ:

**1. Thông tin mẫu vật:**

1.1- Tên mẫu vật:

1.1.1- Tên khoa học:

1.1.2- Tên phổ thông:

1.1.3- Tên bằng ngôn ngữ khác:

1.2 - Số hiệu mẫu vật:

1.2.1 - Số sưu tầm:

1.2.2 - Số sưu tập:

1.2.3 - Số hiệu bảo tàng:

1.3 - Số lượng:

1.4 - Phương thức, thời điểm giao nhận mẫu vật:

1.5 - Nơi lưu giữ hiện tại:

1.6 - Độ bảo mật:

**2. Miêu tả mẫu vật**:

2.1 - Hình ảnh, số liệu phim (số lượng ảnh, số đĩa CD/năm chụp): 1 ảnh, CD1/2009.

( Ảnh )

2.2- Hình dạng (3 chiều):

2.3 - Kích thước, khối lượng:

2.4 - Phân loại (trầm tích, magma,...):

2.5 - Kết quả phân tích (hóa, lát mỏng, khoáng tướng, cổ sinh,...):

2.6 – Mô tả ngắn gọn:

2.7- Trạng thái bảo quản:

**3. Lịch sử mẫu vật:**

3.1 - Địa điểm s­ưu tầm: Thôn (bản):

Xã: Huyện: Tỉnh:

3.2 – Tọa độ địa lý:

3.3- Toạ độ ô vuông:

3.4 - Tờ bản đồ: Tỷ lệ:

3.5 - Tuổi địa chất:

3.6 - Người và cơ quan sưu tầm:

3.7 - Thời gian sưu tầm:

3.8 - Phương pháp sưu tầm:

3.9 - Ng­­ười xác định, chế tác:

3.10- Nơi xác định, chế tác:

3.11 - Thời gian xác định, chế tác:

3.12 - Mục đích xác định chế tác:

3.13 - Chức năng ban đầu:

3.14 - Chức năng sử dụng sau nghiên cứu, chế tác:

3.15 - Người hoặc cơ quan sử dụng:

3.16 - Thời điểm sử dụng:

**4. Th­ư mục tài liệu liên quan đến mẫu vật:**

*Hà Nội, ngày tháng năm*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thủ trưởng đơn vị**  **(Ký, đóng dấu)** | **Ng­­ười kiểm tra** | **Ng­­ười lập phiếu** |
|  |  |  |